TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HƯNG YÊN** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2022/QĐST-HNGĐ	*TP. Hưng Yên, ngày 21 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 171/2021/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Chị Dương Thị Phương A, sinh năm 199*;

HKTT: Khu phố KĐ, phường LS, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên;

Địa chỉ: Số ** TBT, phường QT, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Trần Văn M, sinh năm 199*;

HKTT/địa chỉ: Khu phố KĐ, phường LS, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*** (con chung của chị A và anh M):

Cháu Trần Tú L, sinh ngày 22/8/2018, hiện đang do chị A nuôi dưỡng.

Người đại diện hợp pháp cho cháu L: Chị Dương Thị Phương A và anh Trần Văn M - Là bố, mẹ đẻ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Phương A và anh Trần Văn M tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường LS ngày 08/03/2018. Quá trình chung sống vợ chồng đã sinh được 01 con chung. Tuy nhiên do vợ chồng ngày càng bộc lộc tính nết, quan điểm sống bất đồng trong cuộc sống, trong việc lựa chọn nơi ở nên hay xảy ra mâu thuẫn. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc nên từ tháng 6/2021 đến nay chị A và anh M sống ly thân, không còn quan tâm

gì đến nhau nữa. Nay chị A và anh M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không muốn đoàn tụ và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của chị A và anh M là chính đáng, có căn cứ và phù hợp Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị A và anh M.

[2] Về con chung: Chị A và anh M đều khẳng định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Tú L, sinh ngày 22/8/2018, hiện đang do chị A nuôi dưỡng. Chị A và anh M thỏa thuận: Chị A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị A và anh M là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện tại và quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[3] Về tài sản: Chị A và anh M đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Chị A và anh M thống nhất để chị A nộp 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Phương A và anh Trần Văn M tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị A và anh M có 01 con chung là cháu Trần Tú L, sinh ngày 22/8/2018, hiện đang do chị A nuôi dưỡng.

Chị A và anh M thỏa thuận: Chị A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Tú L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, chị A, anh M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản: Chị A và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về lệ phí: Chị A và anh M thỏa thuận: Chị A nộp cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí

chị A đã nộp theo biên lai thu số 0001097 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Chị A đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THA dân sự TP Hưng Yên;
- UBND phường LS (ĐKKH số 07, ngày 08/3/2018);
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thương